

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2024
V/v: Tranh chấp về hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Em.
- Bà Nguyễn Thị Tua.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 6 và ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2023/TLST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024, và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa số 145/2024/TB-TA, ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K1; trụ sở: Số D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: Số C Đại lộ H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Lê Trung V - Phó Tổng giám đốc (Vắng mặt).
- Ông Đinh Việt Q - Giám đốc Phòng xử lý nợ (Vắng mặt).
- Ông Lý Duy K - Chuyên viên phòng xử lý nợ (Có mặt).

(Theo Văn bản uỷ quyền số 3366/QĐ-NHKL, ngày 21/8/2023 của Tổng Giám đốc; Văn bản uỷ quyền số 3368A/QĐ-NHKL, ngày 21/8/2023 của Phó Tổng giám đốc; Văn bản uỷ quyền số 3548/QĐ-NHKL ngày 07/9/2023 của Phó Tổng giám đốc).

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (sau đây viết tắt là: Ngân hàng hoặc Ngân hàng TMCP K1, do ông Lý Duy K đại diện) trình bày: Vào năm 2017 và 2018, giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Bùi Văn T có thoả thuận, ký kết hai hợp đồng sử dụng thẻ (gồm thẻ tín dụng JCB và V1), cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 27/4/2017, ông Bùi Văn T ký kết hợp đồng “Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475 với số tiền 50.000.000đ, loại thẻ Visa, lãi suất trong hạn 22%/năm và 28%/năm.

Phí phạt chậm trả lãi 3,5% x số tiền chậm trả.

Phí phạt vượt hạn mức 0,075%/ngày.

Lần 2: Vào ngày 15/9/2018, giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Bùi Văn T thoả thuận, ký kết hợp đồng tín dụng, hình thức “Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, kèm theo hợp đồng số 012/17/TC/0902-4475, 40048264000020, loại thẻ JCB, với số tiền là 50.000.000đ; lãi suất trong hạn 22%/năm và 28%/năm.

Phí phạt chậm trả lãi 3,5% x số tiền chậm trả.

Phí phạt vượt hạn mức 0,075%/ngày.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn trả nợ vốn lãi tạm tính đến ngày 30/9/2013 theo hai hợp đồng nêu trên, tổng cộng là 70.595.479đ và các khoản lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/10/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Bùi Văn T: Quá trình thu thập chứng cứ, mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn vốn lãi của hai Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm; án phí bị đơn phải nộp theo quy định. Kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (sau đây gọi là: Ngân hàng hoặc Ngân hàng TMCP K1) khởi kiện ông Bùi Văn T để yêu cầu thanh toán nợ vay theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng; do bị đơn cư trú tại ấp V, xã V, huyện V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, Tòa án thụ lý theo quan hệ “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Theo “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” ngày 27/4/2017, ông Bùi Văn T là cộng tác viên của Ngân hàng; địa chỉ ghi trong hợp đồng là xã V, huyện V; theo bản phô tô sổ hộ khẩu do Ngân hàng cung cấp, ghi nhận: ông Bùi Văn T, ấp V, xã V, huyện V; như vậy, Ngân hàng ghi đúng địa chỉ giao dịch của bị đơn ghi trong các hợp đồng, giao dịch; qua xác minh, hiện nay ông Bùi Văn T không có mặt ở địa chỉ tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch, coi như bên có nghĩa vụ (ông T) thay đổi địa chỉ nơi cư trú mà không thông báo cho bên có quyền (Ngân hàng) được biết; do đó, ông T bị coi là cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh trách nhiệm với bên có quyền.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Ông Bùi Văn T đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được ký kết vào năm 2017 và 2018; do đó, áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Theo “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475, ngày 27/4/2017 Phòng G cấp thẻ tín dụng cho ông Bùi Văn T, loại thẻ Visa với số tiền 50.000.000đ, trong đó ghi đầy đủ thông tin cá nhân của ông Bùi Văn T, bên dưới chữ “Chữ ký Chủ thẻ chính” có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Bùi Văn T; và ngày 15/9/2018 giữa các bên ký kết hợp đồng dưới hình thức “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 012/17/TC/0902-4475, loại thẻ JCB với số tiền là 50.000.000đ, bên dưới “Chữ ký Chủ thẻ chính” là chữ ký và ghi rõ họ tên ông Bùi Văn T; qua đó đã có căn cứ để xác định vào 27/4/2017 và ngày 15/9/2018 giữa các bên có ký kết hai hợp đồng tín dụng dưới hình thức “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475, bao gồm thẻ Visa và thẻ JCB, là có thật.

[3.1] Về lãi suất: Theo Quyết định số 3814/QĐ-NHKL, ngày 29/12/2016 của Ngân hàng K1 ban hành kèm theo quyết định này “Quy định biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ” tại Ngân hàng K1, tại Phần 1 mục IV quy định về lãi suất 22%/năm và Phần 4 quy định lãi suất cho vay = Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ (gồm lãi suất ghi trên sổ cộng với chi phí khác (nếu có) tại thời điểm vay vốn, kỳ hạn tương ứng với kỳ hạn trên sổ tiền gửi ngoại tệ được cầm cố + biên độ lớn hơn hoặc bằng 0,30%/tháng. Quyết định số 4457/QĐ-NHKL, ngày 30/11/2018 của Ngân hàng K1 ban hành biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la M1 tại Ngân hàng TMCP K1 kèm theo “Quy định biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ”, thì cho vay thẻ tín dụng cá nhân lãi suất quy định là 22%/năm.

[3.2] Phí phạt chậm trả lãi 3,5% x số tiền chậm trả: Theo quyết định số 910/QĐ-NHKL, ngày 15/3/2017 của Ngân hàng K1 sửa đổi, bổ sung Phụ lục 4 của Quyết định số 1469/QĐ-NHKL, ngày 15/5/2015 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Biểu phí dịch vụ của Ngân hàng TMCP K1, tại mục 2.4 trang 5 quy định phí chậm thanh toán 3,5% số tiền thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán.

[3.3] Phí phạt vượt hạn mức 0,075%/ngày. Như nhận định tại tiêu mục [3.2] nêu trên, tại mục 2.13 trang 5 quy định: Phí sử dụng vượt hạn mức 0,075%/ngày (theo mức lãi suất 22%/năm).

[3.4] Tại mục 9 (XÁC NHẬN THÔNG TIN) của “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, số hợp đồng 20017129000230 ngày 04/5/2017 các bên thoả thuận với Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện

sử dụng thẻ tín dụng cùng với thông báo chấp thuận cấp Thẻ tín dụng, Bảng sao kê tạo thành một hợp đồng và ràng buộc về mặt pháp lý và có hiệu lực giữa ông Bùi Văn T với K2. Như nhận định tại các tiêu mục thuộc mục [3] nêu trên, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết thoả thuận; tuy nhiên, ông T không thực hiện đúng cam kết, thoả thuận nên ông T là bên vi phạm hợp đồng.

[3.5] Theo bảng kê của Ngân hàng, khoản vay này tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/7/2024) vốn lãi tổng cộng là: 88.104.096đ; như nhận định tại các tiêu mục thuộc mục [3] nêu trên; do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Vào ngày 15/9/2018, giữa Ngân hàng với ông Bùi Văn T có thoả thuận, ký kết hợp đồng tín dụng dưới hình thức “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, kèm theo hợp đồng số 012/17/TC/0902-4475, 40048264000020, loại thẻ JCB, với số tiền là 50.000.000đ; như nhận định tại các tiêu mục thuộc mục [3] nêu trên, qua đó đã có căn cứ để xác định vào ngày 15/9/2018 giữa Ngân hàng với ông Bùi Văn T có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ (loại thẻ JCB), là có căn cứ.

[4.1] Về lãi suất; phí phạt chậm trả lãi 3,5% x số tiền chậm trả và phí phạt vượt hạn mức 0,075%/ngày; tại mục 5 của “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, ngày 15/9/2018 các bên thoả thuận Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cùng với thông báo chấp thuận cấp Thẻ tín dụng, Bảng sao kê tạo thành một hợp đồng và ràng buộc về mặt pháp lý và có hiệu lực giữa ông Bùi Văn T với K2; sự thoả thuận của các bên phù hợp với các Quyết định đã viện dẫn tại các tiêu mục thuộc mục [3] nêu trên thì yêu cầu về lãi suất, phí phạt chậm trả và phí phạt vượt hạn mức 0,075%/ngày, theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[4.2] Theo bảng kê của Ngân hàng khoản vay này, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/7/2024) vốn lãi còn nợ tổng cộng là: 2.427.590đ.

[5] Tổng cộng vốn lãi của hai hợp đồng tín dụng, như nhận định tại tiêu mục [3.5] và tiêu mục [4.2] nêu trên, tính đến ngày 30/7/2024 thì bị đơn ông Bùi Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng: 90.531.686đ.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) bị đơn còn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc của hai Hợp đồng tín dụng nêu trên; do đó, phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch: $90.531.686đ \times 5\% = 4.526.584đ$. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, các khoản 1, 2, 10 Điều 95, Điều 96, khoản 2 Điều 97, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: các Điều 40, 116, 117, 118, 119, 134, 135, 136, 138, 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các khoản 14, 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 về việc yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn T trả nợ theo “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475 ngày 27/4/2017, loại thẻ Visa và “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, kèm theo hợp đồng số 012/17/TC/0902-4475, 40048264000020 ngày 15/9/2018, loại thẻ JCB.

2. Buộc ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 số tiền vốn lãi theo “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475 ngày 27/4/2017, loại thẻ Visa và “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, kèm theo hợp đồng số 012/17/TC/0902-4475, 40048264000020 ngày 15/9/2018, loại thẻ JCB, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2024) tổng cộng là: 90.531.686đ (Chín mươi triệu năm trăm ba mươi một ngàn sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2024) cho đến khi thi hành án xong khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số

20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475 ngày 27/4/2017 và “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, kèm theo hợp đồng số 012/17/TC/0902-4475, 40048264000020 ngày 15/9/2018. Trường hợp trong “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2” số 20017129000230 - 012/17/TC/0902-4475 ngày 27/4/2017 và “Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K2”, kèm theo hợp đồng số 012/17/TC/0902-4475, 40048264000020 ngày 15/9/2018 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Bùi Văn T phải chịu án phí số tiền: 4.526.584đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm tám mươi bốn đồng).

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 được nhận lại số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008341, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng